Số: 55/QĐ-UBND
Thời gian ký: 09/01/2024 10:53:47 +07:00

Phụ lục II

KẾ HOẠCH THU HỒI CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Krông Năng	Xã Dliêya	Xã Ea Tóh	Xã Ea Tam	Xã Phú Lộc	Xã Tam Giang	Xã Ea Puk	Xã Ea Dăh	Xã Ea Hồ	Xã Phú Xuân	Xã Cư Klông	Xã Ea Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng		**21,38**	**2,00**	**0,03**	**3.938,82**	**0,02**	**6,70**	**0,02**	**0,02**	**5,10**	**6,81**	**0,64**	**0,01**	**0,03**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**19,45**	**1,86**	**0,02**	**-**	**0,02**	**6,66**	**0,02**	**0,02**	**5,10**	**5,11**	**0,61**	**0,01**	**0,02**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,15	-	-	-	-	0,04	-	-	-	0,11	-	-	-
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	0,15	-	-	-	-	0,04	-	-	-	0,11	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,14	-	-	-	-	-	-	-	0,03	-	0,10	0,01	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	19,13	1,86	0,02	-	0,02	6,62	0,02	0,02	5,07	5,00	0,48	-	0,02
1.4	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	0,03	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,03	-	-
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**1,93**	**0,14**	**0,01**	**-**	**-**	**0,04**	**-**	**-**	**-**	**1,70**	**0,03**	**-**	**0,01**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,79	-	0,01	-	-	0,04	-	-	-	1,70	0,03	-	0,01
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,12	0,12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,02	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-